TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 08-03-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ
Ông Hoàng Ngọc Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST–HS ngày ngày 17 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1989 tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T, con bà Đỗ Thị T; vợ: Triệu Thị H, sinh năm 1989. Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015.
Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái (có mặt).

Bị hại: chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 04, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

Người làm chứng:

- Anh Đinh Công M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 08, phường C, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vắng mặt)

- Anh Đào Đình B, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 04, thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

- Chị Hà Thị M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 04, thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 23/11/2021, Phạm Văn T đi bộ một mình trên đường thuộc Tổ 04, thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Khi đi đến quán ăn sáng nhà ông Đào Đình B, T thấy đối điện bên đường có một chiếc xe mô tô, loại xe SH mang BKS: 21B1 – 639.17 (xe của Phan Thị Thu H, sinh năm 1985) đang dựng ở lề đường, T thấy tại giá để chân của xe mô tô có 01 (một) chiếc túi xách giả da, màu nâu, quan sát xung quanh không có người để ý, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T đi đến gần xe mô tô dùng tay phải lấy trộm túi xách và di chuyển theo hướng sân vận động thị trấn Yên Thế. Khi T đi được khoản 10m thì anh Đào Đình B phát hiện và hô to. Phạm Văn T chạy vào cổng phụ sân vận động sau đó chạy về hướng quán Karaoke Mộng Du thuộc Tổ 02, thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. T lên xe taxi đang dừng đỗ ở ven đường (lái xe là anh Đinh Công M, sinh năm 1963) và đề nghị lái xe chạy. Tuy nhiên người dân đã truy đuổi đến và không cho Taxi di chuyển.

Công an thị trấn Yên Thế đã lập biên bản phạm tội quả tang và đưa T về trụ sở làm việc. Quá trình bỏ chạy Phạm Văn T đã làm rơi chiếc điện thoại di động để trong túi xách của chị Phan Thị Thu H. Chiếc điện thoại được chị Hà Thị M, sinh năm 1986 phát hiện và giao nộp cho cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ, đồ vật, xử lý vật chứng:

- 01 (một) Túi xách màu nâu, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) quyển sổ màu nâu, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) thỏi son vỏ màu đen, trên vỏ có chứ "Hera A"; 01 (một) hộp phấn màu đen, trên nắp có chữ "Karadium"; 01(một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, không có vết rạn nứt, cũ đã qua sử dụng. Toàn bộ vật chứng đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Phan Thị Thu H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 12 ngày 23/11/20201 của Hội đồng định giá tàn sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Yên kết luận: Tổng giá trị tài sản sau định giá là: 18.510.000^{đ} (*Mười tám triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS-LY ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội " *Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Phạm Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Không

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Bị cáo Phạm Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái truy tố và không có ý kiến tranh luận gì thêm. Lời nói sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 23/11/2021, tại khu vực Tổ 04, thị trấn Yên Thế, huyện L, tỉnh Yên Bái lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Phạm Văn T đã lén lút trộm 01 (một) túi xách màu nâu của chị Phan Thị Thu H bao gồm nhiều tài sản bên trong, tổng giá trị tài sản T trộm cắp của chị H là 18.510.000^{đ} (*Mười tám triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

Hành vi nêu trên của Phạm Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

……

Như vậy Cáo trạng số 04/CT-VKS-LY ngày 16/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Phạm Văn T tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản

của người khác, một khách thể quan trọng được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hành phạt, cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Bị cáo T là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Hành vi phạm tội của bị cáo một phần cũng xuất phát từ ý thức chủ quan trong việc giữ gìn, quản lý tài sản của chủ sở hữu.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo có đủ căn cứ để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Văn T không có điều kiện về kinh tế, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại Phan Thị Thu H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Toàn bộ vật chứng của vụ án sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp chị Phan Thị Thu H là đúng quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên là có căn cứ và phù hợp, nên chấp nhận.

[9] *Về án phí:* Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trả tự do cho ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB; Sở tư pháp;
- VKSND H. Lục Yên; VKSND tỉnh YB;
- Công an huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Liễu Đô;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Lưu: T.A, THS, THAHS.

Trần Đăng Ninh